

THE SOUTHERN VIETNAM REGIONAL COMMITTEE LED THE POLITICAL STRUGGLE AND PROPAGANDA WORK AMONG ENEMY SOLDIERS (1954 -1956)

Thai Van Tho

Foreign Trade University, Ho Chi Minh City Campus

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	26/8/2024	During the years 1954 - 1956, in Southern Vietnam under the direct leadership and direction of the Southern Vietnam Regional Committee, political struggle activities and propaganda work among enemy soldiers achieved many results. The political and propaganda work among enemy soldiers struggle activities in Southern Vietnam in the years 1954 - 1956 created a positive premise for the development of the South Vietnam revolution thereafter. Using historical and logical methods, the study has clearly shown the process of the Southern Vietnam Regional Committee leading the people in political struggles to request the Ngo Dinh Diem government to implement the 1954 Geneva Agreement, general election to unify the country as well as lead propaganda work among enemy soldiers in local armed forces, organizations and agencies of the Republic of Vietnam government. At the same time, the research results also highlight the important role and contribution of the Southern Vietnam Regional Committee in leading and directing the revolutionary struggle from 1954 to 1956.
Revised:	04/10/2024	
Published:	04/10/2024	
KEYWORDS		
Propaganda work among enemy soldiers		
Political struggles		
Southern Vietnam		
Creative		
The Southern Vietnam Regional Committee		

XỨ ỦY NAM BỘ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC BÌNH VẬN NHỮNG NĂM 1954 - 1956

Thái Văn Thơ

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	26/8/2024	Trong những năm 1954 - 1956, ở Nam Bộ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, các hoạt động đấu tranh chính trị và công tác binh vận đạt nhiều kết quả. Các hoạt động đấu tranh chính trị và binh vận ở Nam Bộ những năm 1954 – 1956 đã tạo tiền đề tích cực cho sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam sau đó. Sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic, nghiên cứu đã chỉ rõ quá trình Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành Hiệp định Geneva năm 1954, tổng tuyển cử để thống nhất đất nước cũng như lãnh đạo công tác binh vận trong các lực lượng vũ trang địa phương, các tổ chức, cơ quan của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng nêu bật vai trò và đóng góp quan trọng của Xứ ủy Nam Bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh cách mạng những năm này.
Ngày hoàn thiện:	04/10/2024	
Ngày đăng:	04/10/2024	
TỪ KHÓA		
Bình vận		
Đấu tranh chính trị		
Nam Bộ		
Sáng tạo		
Xứ ủy Nam Bộ		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11003>

Email: thaivantho.cs2@ftu.edu.vn

1. Giới thiệu

Hiệp định Geneva về đình chỉ chiến tranh, lập lại hòa bình Đông Dương ký kết ngày 21/7/1954. Nước Việt Nam tạm thời bị chia thành hai miền Nam – Bắc, vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến quân sự tạm thời và dự kiến sẽ tiến hành tổng tuyển cử để thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956. Tuy nhiên, trong quá trình các lực lượng vũ trang cách mạng của Việt Nam và quân đội Pháp thực hiện tập kết chuyển quân theo quy định thì chính phủ Hoa Kỳ nhanh chóng thay chân Pháp tiến hành các hoạt động hỗ trợ, xây dựng và củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm. Đảng Lao động Việt Nam đã có những chuyển hướng chiến lược đấu tranh phù hợp với tình hình mới. Theo chủ trương của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ được tái lập và từng bước lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đấu tranh chính trị, thi hành Hiệp định Geneva năm 1954. Nghiên cứu liên quan về Hiệp định Geneva năm 1954, về sự biến chuyển của tình hình chính trị miền Nam Việt Nam những năm 1954 – 1956 được đề cập, phân tích trong một số công trình tiêu biểu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà nghiên cứu Pierre Asselin khẳng định “Hiệp định Geneva là một thành quả mang nhiều ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam và quan trọng hơn cả là việc giải phóng một nửa đất nước, một lời cam kết thừa nhận nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và rút quân hoàn toàn khỏi Đông Dương từ phía Pháp” [1]. Tác giả Trần Thị Minh Tuyết cho rằng Hiệp định Geneva về Đông Dương là một nấc thang quan trọng trong tiến trình đi tới độc lập, tự do của đất nước [2]. Tác giả Nguyễn Trọng Phúc nhận định cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam để thực hiện những quy định, cam kết mang tính pháp lý của Hiệp định đã gặp những khó khăn, cản trở lớn [3]. Nguyễn Thị Lan Phương và Hoàng Thị Thắm cho rằng cuộc đấu tranh trong những năm 1954 - 1958 phản ánh nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân Việt Nam mong muốn hòa bình, thống nhất Tổ quốc; góp phần duy trì và giữ gìn lực lượng cách mạng, bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tạo thế và lực cho cuộc đấu tranh trong giai đoạn tiếp theo [4]. Tác giả Trần Nam Tiến khẳng định từ năm 1954 đến năm 1955, Hoa Kỳ gấp rút củng cố chỗ đứng và hậu thuẫn cho Ngô Đình Diệm tiến hành truất phế Bảo Đại, dựng lên chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam [5]. Nguyễn Vũ Thu Phương cũng cho rằng Hoa Kỳ từng bước tách dần vai trò người Pháp khỏi vấn đề Việt Nam; thừa nhận và bắt đầu giúp đỡ Ngô Đình Diệm để xây dựng một chính phủ “dân chủ” ở miền Nam Việt Nam [6]. Tác giả Jerome Slater nêu rõ từ sau thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và bị ảnh hưởng của thuyết “Domino”, giới cầm quyền Hoa Kỳ cho rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ như một cơn sóng lan nhanh xuống khu vực Đông Nam Á và toàn bộ châu Á [7]. Nhận định về chính sách đối ngoại của Ngô Đình Diệm, William Henderson và Wesley R. Fishel cho rằng quan hệ với Hoa Kỳ là “hòn đá tảng” trong đường lối đối ngoại của chính quyền Ngô Đình Diệm [8]. Jessica M. Chapman cũng phân tích Hoa Kỳ bảo trợ Ngô Đình Diệm loại bỏ thế lực chống đối thân Pháp, thực hiện truất phế Bảo Đại, hất cẳng Pháp [9]. Nghiên cứu về quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo hoạt động tập kết chuyển quân, tác giả Lưu Văn Dũng cho rằng ở Nam Bộ, “qua những chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Cục miền Nam đã góp phần làm cho công tác tập kết chuyển quân diễn ra thành công, tạo tiền đề cho việc chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước về sau” [10]. Khi phân tích quá trình đấu tranh chính trị của phụ nữ Nam Bộ những năm 1954 – 1960, tác giả Thái Văn Thơ khẳng định “phong trào đấu tranh chính trị của phụ nữ Nam Bộ diễn ra với quy mô rộng lớn, sôi nổi, rầm rộ, và góp phần quan trọng vào thắng lợi vang dội của cao trào Đồng Khởi những năm 1959 – 1960” [11]. Có thể thấy, những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước được công bố trong thời gian qua phần lớn đề cập, phân tích kết quả Hiệp định Geneva năm 1954, tình hình chính trị miền Nam Việt Nam sau năm 1954; quá trình chính quyền Hoa Kỳ hỗ trợ xây dựng và củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn; quá trình chuyển hướng chiến lược đấu tranh của Đảng Lao động Việt Nam; hoạt động tập kết chuyển quân ở Nam Bộ. Tuy nhiên chưa có công trình nào phân tích, chỉ rõ quá trình Xứ ủy Nam Bộ trực tiếp lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở địa phương sau khi Hiệp định Geneva năm 1954 có hiệu lực. Trên cơ sở kế thừa

những công trình đã công bố, nghiên cứu bước đầu phân tích và làm rõ quá trình Xứ ủy Nam Bộ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân Nam Bộ đấu tranh chính trị và công tác binh vận những năm 1954 - 1956.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả công trình nghiên cứu đã sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic song song với việc phân tích, khảo cứu các tài liệu lịch sử liên quan để nêu bật quá trình Xứ ủy Nam Bộ trực tiếp lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đấu tranh chính trị, hòa bình và tiến hành công tác binh vận ở địa phương, đồng thời phân tích, chỉ rõ sự năng động, sáng tạo cũng như vai trò và đóng góp quan trọng của Xứ ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, tổ chức các phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với công tác binh vận ở Nam Bộ từ sau tháng 7 năm 1954 đến cuối năm 1956.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam

Từ ngày 15 – 17/7/1954 diễn ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 mở rộng. Hội nghị quyết định về phương châm, sách lược đấu tranh trong giai đoạn mới là “chĩa mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc Mỹ và hiếu chiến Pháp, dựa trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được mà phần đầu để thực hiện hòa bình ở Đông Dương; củng cố hòa bình và thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc” [12, tr.225]. Ngày 22/7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ, quân đội và nhân dân cả nước cuộc “đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Để giành lấy thắng lợi, toàn thể nhân dân, quân đội và cán bộ ta từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí” [13, tr.3]. Ngày 06/9/1954, Bộ Chính trị ra chỉ thị xác định nhiệm vụ chung của miền Nam là “củng cố hòa bình, đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất và hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc” [12, tr.273-274]. Đối với nguy quân, Chỉ thị của Bộ Chính trị cũng xác định “không được coi nhẹ việc vận động nguy binh, phải hết sức chú trọng công tác đó, nên vận động nguy binh đòi cải thiện sinh hoạt và đối đãi. Chú trọng vận động gia đình nguy binh để họ giúp vào việc tuyên truyền nguy binh” [12, tr.277]. “Phương thức đấu tranh cần ôn hòa. Không kể những hình thức đấu tranh vũ trang phải đình chỉ, mà những hình thức như biểu tình, mít tinh, bãi công, bãi thị, bãi khóa... cũng phải cân nhắc để sử dụng một cách thận trọng và tiến hành theo nguyên tắc có lý, có lợi, có mức” [12, tr.281]. Như vậy, trước và sau khi Hiệp định Geneva năm 1954 có hiệu lực, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Bộ Chính trị đã sớm đề ra các chủ trương, hình thức đấu tranh cách mạng trong tình hình mới ở miền Nam Việt Nam. Từ sau tháng 7 năm 1954, Đảng chủ trương đấu tranh chính trị, hòa bình, thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Geneva năm 1954 và chú trọng đẩy mạnh công tác vận động binh lính đối phương ở miền Nam, nhất là tại Nam Bộ.

3.2. Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đấu tranh chính trị hòa bình, tiến hành công tác binh vận những năm 1954 – 1956

3.2.1. Tái lập Xứ ủy Nam Bộ

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Trung ương Đảng vẫn duy trì và củng cố cơ quan lãnh đạo cho toàn Nam Bộ là Xứ ủy Nam Bộ (trước đó gọi là Xứ ủy Nam Kỳ) trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Nam Bộ tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược. Đến tháng 3 năm 1951, Trung ương Đảng quyết định giải thể Xứ ủy Nam Bộ thành lập Trung ương Cục miền Nam và cử Lê Duẩn làm Bí thư. Tháng 6 năm 1951, Trung ương Cục miền Nam chính thức thành lập và trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ cho đến ngày toàn thắng. Đến tháng 9 năm 1954, để đáp ứng yêu cầu cách mạng mới cũng như kiện toàn tổ chức lãnh đạo ở miền Nam, Bộ Chính trị quyết định

“bộ Cục Trung ương miền Nam, thành lập Xứ ủy Nam Bộ và các Khu ủy” [12, tr.281]. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 mở rộng tháng 7 năm 1954 và Chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954, Ủy viên Bộ Chính trị Lê Duẩn chủ trì hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ vào tháng 10 năm 1954 tại Kênh 13, xã Vĩnh Thuận (Kiên Giang) vùng kênh Xáng Chắc Băng. Hội nghị đã bầu Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Hội nghị cũng chia Nam Bộ thành 3 liên tỉnh: Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ, Liên tỉnh miền Trung Nam Bộ, Liên tỉnh miền Tây Nam Bộ và khu Sài Gòn – Chợ Lớn. Miền Đông Nam Bộ, Bí thư Liên tỉnh ủy là Phan Đức (sau đó là Nguyễn Văn Chí, Mai Chí Thọ thay). Miền Trung Nam Bộ, Bí thư Liên tỉnh ủy là Nguyễn Minh Đường. Miền Tây Nam Bộ, Bí thư Liên tỉnh ủy là Phạm Thái Bường. Khu Sài Gòn – Chợ Lớn do Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Văn phòng Xứ ủy và các ban cũng được thành lập. Ở Nam Bộ lúc bấy giờ có khoảng 60.365 đảng viên [14, tr.39]. Ngay khi được tái lập, quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chủ trương, sách lược, chỉ thị của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Xứ ủy Nam Bộ đã trực tiếp lãnh đạo nhân dân Nam Bộ tiến hành các phong trào đấu tranh chính trị, hòa bình kết hợp đẩy mạnh công tác binh vận ở địa phương với sự năng động, sáng tạo.

3.2.2. Lãnh đạo phong trào bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn – Chợ Lớn và đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Geneva năm 1954

Từ cuối tháng 7 năm 1954, ở Sài Gòn – Chợ Lớn diễn ra phong trào bảo vệ hòa bình. “Phong trào bảo vệ hòa bình là tiếng nói công khai của chính nghĩa, tiếng nói công khai bên vực Hiệp định Geneva, bên vực đường lối thống nhất bằng hiệp thương, tổng tuyển cử” [15, tr.747]. Phong trào bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn – Chợ Lớn thu hút được nhiều nhân sĩ tiến bộ yêu nước, trí thức như Nguyễn Thị Lựu, Thái Thị Nhạn, luật sư Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Hữu Thọ, giáo sư Phạm Huy Thông, Hòa thượng Thích Huệ Quang, nhà báo Nguyễn Bảo Hóa... và cùng các giới ở Nam Bộ tham gia. Nhiều cuộc mít tinh lớn với quy mô hàng chục nghìn người gồm nhiều tầng lớp diễn ra ở nội và ngoại đô Sài Gòn – Chợ Lớn như ngày 01/8/1954 diễn ra cuộc mít tinh lớn với 50.000 người tham gia ở Sài Gòn, ở Bình Chánh có 2.000 người biểu tình, bao vây bột Bình Long, ở Củ Chi diễn ra cuộc biểu tình lớn. Tại nhiều tỉnh Nam Bộ, nhằm hưởng ứng phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn – Chợ Lớn, các tỉnh cũng huy động nhân dân xuống đường biểu tình “hoan hô hòa bình”, “hoan hô Hiệp định Geneva”... [14, tr.58]. Trong những tháng cuối năm 1954, phong trào bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn – Chợ Lớn và các tỉnh Nam Bộ diễn ra sôi nổi, rầm rộ, gây tiếng vang lớn. Để duy trì và thúc đẩy phong trào, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương “củng cố đảng đoàn; xây dựng cho được một nòng cốt vững chắc trong Ban Chấp hành phong trào hòa bình ở Sài Gòn; công khai hóa thực sự với chính quyền bù nhìn Trung ương; chú trọng phổ biến về tin tức phong trào hòa bình, tin tức đấu tranh những vụ vi phạm hiệp định, giáo dục thường thức về ý nghĩa hòa bình và các quyền tự do dân chủ; gây ý thức cho phong trào bằng cách liên lạc tiếp xúc với các giới, các cá nhân trong chính giới ở Pháp và Việt Nam, các nhà tư sản Pháp, ngoại kiều như Ấn Độ, Hoa kiều” [16, tr.55]. Phong trào bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn – Chợ Lớn đã khiến cho chính quyền Ngô Đình Diệm lo lắng, tìm cách dập tắt, bắt giam tù đầy nhiều chiến sĩ, cán bộ, trí thức yêu nước và sau đó phong trào đã lắng xuống.

“Từ ngày hiệp định đình chiến được thi hành ở Nam Bộ, ở nhiều địa phương, đối phương đã có nhiều hành động vi phạm hiệp định, làm tổn thương đến tính mạng và tài sản của nhân dân” [16, tr.42]. Vì vậy, song song với phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn – Chợ Lớn, phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử để thống nhất đất nước cũng diễn ra mạnh mẽ quyết liệt, đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Geneva năm 1954, chống giết hại, tù đầy những người yêu nước, người tham gia kháng chiến. Kể từ năm 1954, quán triệt các chủ trương của Trung ương, Trung ương Cục miền Nam đã xác định “mục đích yêu cầu của chúng ta ở miền Nam hiện nay là gìn giữ củng cố hòa bình, tranh thủ thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất và hoàn toàn độc lập dân chủ trong toàn quốc” [16, tr.140]. Trong những năm 1955 – 1956, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhiều lần đề nghị với chính quyền Sài Gòn lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam – Bắc, tạo điều kiện cho

nhân dân hai miền liên lạc, đi lại tự do, mở hội nghị hiệp thương để tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956 nhưng tất cả đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều bị từ chối. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, nhiều đợt đấu tranh quy mô diễn ra ở Sài Gòn – Chợ Lớn và toàn Nam Bộ đòi chính quyền Ngô Đình Diệm chấp nhận đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiêu biểu như cuộc đấu tranh của hơn 2.000 người ở Tân Châu (An Giang) tháng 7 năm 1955 và nhiều đợt đấu tranh của nhân dân Nam Bộ trong các tháng 6, 7 năm 1956. Cuộc đấu tranh bãi công, bãi thị, biểu tình thụ động, phát động thống nhất toàn Nam Bộ vào ngày 10/7/1955 là một cuộc tranh đấu rộng lớn chưa từng có ở Nam Bộ. Ở các đô thị lớn, thị trấn nhỏ quần chúng đã tham gia tranh đấu từ 50 đến 70%, ở thôn quê từ 80 đến 90%. Nhiều cuộc mít tinh đã biến thành biểu tình tuần hành có trật tự, kéo đi trên lộ lớn hoặc vòng quanh xã trước khi giải tán. Cuộc tranh đấu đã bao gồm được đông đảo các giai cấp, các tôn giáo, từ công nhân, nông dân, các tầng lớp lao động khác đến tư sản và một số địa chủ, đồng bào các tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo cũng tham gia [16, tr.872].

Từ cuối tháng 8 năm 1955, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ đề ra một số nhiệm vụ công tác cho toàn Nam Bộ đến cuối năm 1955 là: “Vận động quần chúng đấu tranh đòi mở hội nghị hiệp thương tiến tới thực hiện tổng tuyển cử thống nhất nước nhà kết hợp với việc chống bầu cử Quốc hội bù nhìn của Diệm. Vừa vận động đòi hiệp thương, vừa xúc tiến vận động lập quan hệ bình thường giữa Nam Bắc; Vận động quần chúng đấu tranh đòi cải thiện dân sinh, đòi an ninh trật tự, đòi công ăn việc làm cho những người thất nghiệp, giữ những quyền lợi đã giành được trong kháng chiến, đòi tự do dân chủ (tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do tổ chức) chống khủng bố quần chúng, bắt bớ cán bộ và chống việc trả thù những người đã tham gia kháng chiến” [16, tr.334-335]. Cũng trong năm 1955, Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị số 12/HBB về đấu tranh đòi hiệp thương đi đến tổng tuyển cử và được ban hành, quán triệt đến tận chi bộ. Theo đó, chỉ thị của Xứ ủy yêu cầu các địa phương trong công tác lãnh đạo đấu tranh chính trị “phải nắm vững phương châm đấu tranh trường kỳ gian khổ đi đến thắng lợi; Phải nắm vững phương châm đấu tranh có lý, có lợi, đúng mức thì mới có thể thắng lợi, mới có thể phát triển được phong trào, xây dựng lực lượng; Đấu tranh để xây dựng lực lượng, xây dựng lực lượng để đấu tranh; Phải biết chống khủng bố của đối phương; Phải cảnh giác coi chừng khiêu khích, tránh theo đuôi quần chúng; Phải biết thay đổi hình thức đấu tranh cho thích hợp với sự chuyển biến của tình hình; Xong mỗi cuộc đấu tranh lớn hay nhỏ phải có tổng kết về thắng lợi, về kinh nghiệm” [16, tr.451-465].

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, cuộc đấu tranh chống bầu cử quốc hội bù nhìn thống nhất toàn Nam Bộ, và chia ra thành 3 đợt: Đợt thứ 1 từ ngày 20/10/1955 đến ngày 25/02/1956: Phát động tuyên truyền giáo dục trong nội bộ kể đến phổ biến ra nhân dân; kết hợp đấu tranh về quyền lợi dân sinh dân chủ. Đợt thứ 2 đấu tranh thống nhất toàn Nam Bộ ngày 26/02/1956 bằng những hình thức như biểu tình thụ động, đình công bãi thị. Đợt thứ 3 tẩy chay Quốc hội bù nhìn ngày 04/3/1956 [16, tr.752]. Nhân dân Nam Bộ đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử; đấu tranh chống bầu cử Quốc hội Lập hiến riêng rẽ của chính quyền Sài Gòn bằng các hình thức phong phú như mít tinh, biểu tình, đình công, bãi thị.... Nhiều nhà máy, chợ, tiệm buôn tại một số thị trấn, thị xã lớn ở các tỉnh Nam Bộ đóng cửa để hưởng ứng cuộc đấu tranh. Các tín đồ Cao Đài ở Tây Ninh, Hòa Hảo ở miền Tây Nam Bộ và lực lượng Bình Xuyên của Võ Văn Môn đang bị chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp cũng tham gia đấu tranh, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân không đi bỏ phiếu ngày 04/3/1956. Tại miền Tây Nam Bộ, cuộc đấu tranh chống bầu cử quốc hội riêng rẽ của Mỹ - Diệm diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, tiêu biểu ở các tỉnh Hà Tiên, Cần Thơ, Rạch Giá. Ở Hà Tiên, nhân dân đã phát động rải truyền đơn, treo băng, treo khẩu hiệu rầm rộ, tất cả các nơi đều xé băng, áp phích của địch và thay bằng những truyền đơn, khẩu hiệu chống lại chúng; ở Rạch Giá từ ngày 25/02 đến ngày 03/3/1956 khắp nơi đều tích cực đấu tranh. Ở Cần Thơ, hầu hết các xã, thị xã, thị trấn trong tỉnh nhân dân xé tất cả khẩu hiệu, băng biểu ngữ của địch dán tới đâu nhân dân xé tới đó và dán của nhân dân lên. Ở miền Trung Nam Bộ, khắp các tỉnh đều đình công bãi thị thống nhất ngày 26/02/1956 để chống quốc hội bù nhìn. Truyền đơn, khẩu hiệu rải khắp trong các thị xã, các thị

trần và vùng thôn quê, nhiều băng trên các đường lộ cái, ngã tư, chợ... Cuộc tranh đấu ngày 26/5/1956 diễn ra thống nhất toàn miền (trừ Sài Gòn – Chợ Lớn) dưới hình thức bãi công, bãi thị được quần chúng tham gia nhiệt liệt, có kết quả hơn ngày 10/7/1955 [16, tr.554, 558, 561, 873]. Tại các tỉnh Mỹ Tho, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu... diễn ra nhiều cuộc mít tinh, tuần hành trên đường phố, thị xã, thị trấn với các khẩu hiệu đòi đặt quan hệ bình thường hai miền, hiệp thương, tổng tuyển cử để thống nhất đất nước và chống cuộc bầu cử quốc hội riêng rẽ của Ngô Đình Diệm. Trong quá trình lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất, chống “trung cầu dân ý”, chống bầu cử riêng rẽ của chính quyền Ngô Đình Diệm những năm này đã được Xứ ủy Nam Bộ khẳng định: “Mặc dù địch khủng bố, đàn áp, quần chúng vẫn tham gia tranh đấu chính trị đông đảo. Phong trào tranh đấu của quần chúng vẫn liên tục, không bị cắt đứt, ý thức cách mạng của quần chúng vững vàng. Quần chúng rất tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ ta vững mạnh, lãnh đạo được phong trào quần chúng, mặc dù trong lãnh đạo còn phạm nhiều sai lầm, khuyết điểm” [16, tr.874].

3.2.3. Lãnh đạo phong trào dân chủ, cải thiện dân sinh, chống cướp ruộng đất của nông dân, cứu tế

Từ năm 1954, Trung ương Cục đã đề ra nhiệm vụ, phương châm chung cho thành Sài Gòn – Chợ Lớn. Theo đó, nhiệm vụ ở Sài Gòn – Chợ Lớn là “củng cố hòa bình, đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, để tiến tới thực hiện thống nhất quốc gia và hoàn thành độc lập dân tộc. Phương châm: Tập hợp mọi lực lượng đấu tranh cho hòa bình và dân chủ (kể cả người Pháp chủ hòa và bù nhìn thân Pháp) để duy trì củng cố hòa bình và đòi thi hành những quyền tự do dân chủ như tự do hội họp, tự do ngôn luận... và đòi cải thiện đời sống cho nhân dân lao động. Hình thức, tổ chức và hoạt động của quần chúng là hợp pháp và bán hợp pháp. Hình thức tổ chức và hoạt động của Đảng thì căn bản là bí mật” [16, tr.189-190]. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, phong trào đấu tranh đòi dân chủ, cải thiện dân sinh ở Nam Bộ tiến hành song song với phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước và diễn ra liên tục rầm rộ ở các tỉnh Nam Bộ kể từ cuối năm 1954 với nhiều thành phần từ công nhân, học sinh, sinh viên cho đến các tiểu thương. Các hình thức đấu tranh chủ yếu là mít tinh, biểu tình, bãi công, đình công đòi cải thiện đời sống công nhân, chống sa thải công nhân. Trong ba tháng đầu năm 1955, ở Sài Gòn – Chợ Lớn có 30 cuộc đấu tranh lớn của công nhân với tổng cộng hơn 100.000 công nhân tham gia đình công. Phong trào đấu tranh dân chủ, dân sinh gắn liền với việc phát triển các tổ chức nghiệp đoàn. Đồng thời, các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong thời gian này cũng tạo điều kiện phát triển các cơ sở cách mạng, hình thành các tổ chức biến tướng hợp pháp, bán hợp pháp, nhất là các tổ chức nghiệp đoàn công nhân lao động các ngành nghề. Tại Sài Gòn – Chợ Lớn, phong trào đấu tranh của giới tiểu thương cũng diễn ra sôi nổi đòi giảm thuế chợ, giải quyết đời sống, xây thêm bệnh viện, trường học... Đặc biệt, trong ngày 29/7/1955, 160 đại biểu đại diện cho 30.000 tiểu thương các chợ mở đại hội yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải bình ổn giá sinh hoạt, giảm thuế, chống phạt vạ. Ở Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Rạch Giá... trong các phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước của các tỉnh đều gắn với các yêu sách về dân sinh, dân chủ, chống cướp lại ruộng đất của nông dân [14, tr.61-63]. Ở miền Trung Nam Bộ nổi nhất là phong trào nông dân chống tăng tô, đòi giảm tô, chống xáo trộn nguyên canh có kết quả tốt. Biết dựa vào các dụ mị dân của bù nhìn, biết nắm nghiệp đoàn nông dân, các ban nông vụ mà đấu tranh với địa chủ đóng tô từ 15 đến 25% mỗi mẫu có kết quả; Đấu tranh chống lại việc lấy ruộng lại cho người khác mướn, bỏ chế độ bao tá, giữ nguyên canh theo tạm cấp lúc kháng chiến và chịu đóng thuế cho Chính phủ quốc gia chờ tổng tuyển cử giải quyết đều có thắng lợi [16, tr.294]. Về vấn đề ruộng đất của nông dân, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương “phải ráo riết khẩn trương củng cố lực lượng của nông dân trong nông hội cũng bằng nhiều hình thức biến tướng công khai hợp pháp hay bán công khai như những tổ đội công, vắn công, ái hữu, tương tế, từng xóm ấp giúp đỡ nhau cất nhà, giúp đỡ cô nhi quả phụ do chiến tranh tàn phá gây nên” [16, tr.154-155]. Ngoài ra, ngay từ đầu năm 1955 khi Ngô Đình Diệm cho tiến hành cải cách điền địa thì phong

trào đầu tranh giữ ruộng đất của nông dân diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt từ ôn hòa như tẩy chay không lập “khê ước” cho đến dùng cả bạo lực, chống đối, đánh trả địa chủ và nhân viên của chính quyền Sài Gòn cướp đất để giành, giữ lại ruộng đất trong nhiều địa phương từ Tây Ninh, Chợ Lớn, Tân An, Long Xuyên, Châu Đốc cho đến Bạc Liêu, Trà Vinh... Các cuộc đầu tranh giữ ruộng đất của nông dân phần nào góp phần làm chậm tốc độ cải cách điền địa của chính quyền Ngô Đình Diệm [14, tr.66]. Đến năm 1956, theo báo cáo của Xứ ủy Nam Bộ đã có “rất nhiều cuộc tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và diễn ra khắp nơi, ở thôn quê cũng như ở đô thị, đặc biệt ở Sài Gòn – Chợ Lớn và các vùng cao su miền Đông. Các cuộc tranh đấu về dân sinh, dân chủ của quần chúng ngày càng lan rộng; ý thức dân chủ, cải thiện dân sinh trong quần chúng hiện nay khá cao; nhiều cuộc tranh đấu đã giành được quyền lợi thiết thực cho quần chúng; về tranh đấu ruộng đất, tô ở nông thôn nói chung nông dân đã và đang tranh đấu bền bỉ, kiên quyết giữ được quyền canh, giữ được mức tô cũ thời kháng chiến hoặc giảm tô, chống lấy lại công điền công thổ có kết quả. Nhiều nơi trong các vùng căn cứ du kích và du kích cũ như Bạc Liêu, Cần Thơ, Rạch Giá, Đồng Tháp... nông dân còn giữ được quyền sở hữu về đất đai được cấp thời kháng chiến” [16, tr.875-876].

Từ cuối tháng 4 năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung binh lực để đàn áp, đánh tiêu diệt các lực lượng đối lập, lực lượng Bình Xuyên đã “gây ra biết bao thiệt hại về tài sản và sinh mạng, nhất là của đồng bào lao động, riêng Sài Gòn có hơn 4.000 nhà cháy, Chợ Lớn có 3.850 nhà cháy, cả Sài Gòn – Chợ Lớn theo con số không đầy đủ thì trừ những người có thể tự cứu hay được bà con cứu tế thì có chừng 40 nghìn người cần giúp đỡ để có mái nhà, quần áo và thuốc men” [15, tr.758]. Lúc bấy giờ có một “Ủy ban Cứu tế và bảo vệ sinh mạng tài sản của dân chúng” được thành lập, do nhà báo Nguyễn Văn Mại làm chủ tịch, đặt trụ sở tại văn phòng Hội Phụ nữ Việt Nam trên đường Richaud nối dài (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu). Ủy ban đã tổ chức các đoàn cứu tế lưu động gồm đồng bào các giới, học sinh, sinh viên ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận tham gia hỗ trợ người dân bị cháy nhà, dọn nền nhà, cất tạm mái che, khám bệnh, phát thuốc miễn phí. Phong trào cứu tế để bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân hoạt động có hiệu quả, gây ảnh hưởng chính trị lớn trong các giới và huy động được nhiều người tham gia cứu trợ [14, tr.64]. Cuộc vận động cứu tế nạn nhân hỏa hoạn từ tháng 5 đến tháng 6 năm 1955 và sau đó là một hình thức đầu tranh rộng rãi của nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn chống nhà cầm quyền, trong cuộc đầu tranh này tổ chức của nhân dân làm được nhiều việc tốt, gây được nhiều ảnh hưởng, còn chính quyền Ngô Đình Diệm thì bị quần chúng nguyên rủa [15, tr.760].

3.2.4. Lãnh đạo phong trào đầu tranh chống chính sách “tổ cộng”, diệt cộng của chính quyền Ngô Đình Diệm, chống khủng bố, chống trả thù những người kháng chiến, bảo vệ cán bộ cách mạng

Đến giữa năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành chiến dịch “tổ cộng”, diệt cộng trên toàn Nam Bộ. Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1955, những hành động chống cộng của chính quyền Ngô Đình Diệm “tiến hành một cách trắng trợn, quyết liệt và quy mô rộng lớn hơn trước” [16, tr.445]. Bên cạnh các chiến dịch gặt gao nhằm tìm bắt, tiêu diệt những người kháng chiến cũ, chính quyền họ Ngô còn cho tập hợp dân chúng vào những xóm ấp, khu phố để tổ chức các buổi “học tập tổ cộng”, bắt ép họ xé cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, buộc những cán bộ, đảng viên bị bắt tuyên bố “ly khai với cộng sản”... Trước chiến dịch “tổ cộng”, diệt cộng của chính quyền Sài Gòn, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy, nhân dân Nam Bộ đầu tranh quyết liệt với nhiều hình thức như tẩy chay không tham gia “học tập tổ cộng”, trốn tránh, viện lý lẽ bận làm việc, giả vờ đau ốm hoặc làm mất trật tự, gây ồn ào tại những buổi “học tập tổ cộng” khi bị bắt ép tham gia. Xứ ủy Nam Bộ cũng đề ra các phương cách đối phó khi chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch “tổ cộng” như: “Chống bắt đi học, biểu tình, mít tinh, tổ cộng; nếu bị lừa đi chuẩn bị lý lẽ dựa vào những lời lẽ mị dân để chất vấn; khi bắt nhân dân lên tổ cộng thì khéo léo nêu thành tích của cách mạng; khi bắt hô khẩu hiệu thì hô ú ớ, nhóp nhép miệng và không bao giờ ăn khóp; khi bị bắt dán khẩu hiệu thì viết chữ nguệch ngoạc khó coi, viết sai ý nghĩa hoặc dán ngược, dán ngoài mưa cho lem coi không

được; gây dư luận trong nhân dân viết thư viết đơn gửi lên quốc hội, chính quyền đòi can thiệp, làm kiên nghị gửi Ủy ban quốc tế; khi bị bắt kê khai thì một mặt đầu lý, một mặt tranh thủ hội đồng hương chính che giấu bớt; bắt dồn nhà ra gần đồn bắt thì đầu tranh; trì hoãn giằng co đòi bầu liên gia trưởng; lợi dụng sinh hoạt hợp pháp của liên gia mà bàn việc dân sinh dân chủ, chống do thám của địch, phòng gian bảo mật; bắt người phải có lệnh tòa án cho hội đồng hương chính hay, xử tội phải có tòa án xem xét, những người bị bắt vô lý đòi phải thả, người bị giết đòi địch phải bồi thường, điều tra trừng trị những người làm sai; khi bị bắt, vận động nhân dân bảo lãnh, đòi thả gia đình bà con, trì kéo khóc lóc không cho bắt đi; những nơi chúng rình rập ban đêm, xét nhà, ta tranh thủ mềm dẻo làm cho họ bớt hung hăng, hạn chế sự phản động của chúng...” [16, tr.676-679]. Ngoài số ít cán bộ, đảng viên do không chịu nổi sự khủng bố, đánh đập, tra tấn tàn bạo và cả mua chuộc của chính quyền Sài Gòn ra hàng thì phần lớn cán bộ, đảng viên cách mạng bị bắt đã đầu tranh bảo vệ khí tiết và khi bị bắt ép ly khai Đảng đã kiên trung, bất khuất thậm chí hy sinh chứ không phản bội cách mạng. Đến năm 1956, Xứ ủy Nam Bộ khẳng định: “Phong trào chống khủng bố, trả thù những người kháng chiến, bảo vệ cán bộ đã diễn ra khắp nơi, rất mạnh mẽ, sôi nổi ngay từ sau khi hòa bình được lập lại. Mỗi khi địch vào làng xóm bắt giết cán bộ, khủng bố nhân dân là bị nhân dân bao vây, ngăn cản, có khi biểu tình hàng nghìn người giằng co, kéo níu không cho bắt cán bộ. Hiện nay phong trào đầu tranh chống khủng bố, chống các chiến dịch đàn áp nhân dân vẫn tiếp tục, tuy không rầm rộ, sôi nổi như lúc trước nhưng rất dẻo dai và kiên quyết. Dưới những hình thức đầu tranh nhẹ nhàng, ôn hòa hơn, nhân dân dùng phương pháp tranh thủ, chủ động tấn công địch, phá vỡ được những chương trình kế hoạch của địch và tranh thủ được quyền lợi về dân chủ, dân sinh. Địch không thể nào đàn áp được tinh thần tranh đấu của nhân dân và cũng không thể nào làm giảm hoặc tiêu diệt uy thế chính trị của Đảng ta” [16, tr.874-875].

3.2.5. Lãnh đạo công tác binh vận ở Nam Bộ những năm 1954 – 1956

Sau khi được tái lập, Xứ ủy Nam Bộ đã nhanh chóng lãnh đạo công tác binh vận ở địa phương với sự chủ động, năng động, sáng tạo cách mạng và thu được nhiều kết quả. Ngày 12/11/1954, Xứ ủy ra chỉ thị nêu rõ thái độ đối với tề nguỵ là “phải cố gắng phân hóa tranh thủ và cô lập những phần tử phản động. Ta phải uyển chuyển mềm mỏng để nói chuyện với tề, [...]. Đối với sĩ quan và binh lính nguỵ, ta phải cố tranh thủ, không nên lộ vẻ khinh bỉ họ ra mặt, tránh bị khiêu khích khi nghe nguỵ tề báo cáo xuyên tạc” [16, tr.47]. Đến ngày 24/11/1954, Báo cáo của Xứ ủy Nam Bộ gửi Trung ương Đảng khẳng định công tác binh vận đã tổ chức xong, có chương trình hoạt động 3 tháng [16, tr.63]. Với công tác trong chính quyền, quân đội đối phương, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương “cần phải nói cho người có trách nhiệm trong các cơ quan hành chính và quân đội đối phương rõ khi nước nhà được thống nhất độc lập, quyền lợi và địa vị của họ được giữ nguyên. Mặt khác, ta phải biết cô lập bọn nguỵ ngoan cố, tay sai thâm căn cố đế của đế quốc, muốn phân chia Nam Bắc, muốn đối lập Nam với Bắc và nguy hại hơn nữa muốn gây một cuộc xung đột đau thương giữa đồng bào Nam Bắc. Công tác của ta đối với bộ máy chính quyền của đối phương cần nắm cho được bộ máy chính quyền cấp xã, nếu nắm không được toàn bộ thì nắm một bộ phận, nếu nắm không được bên trên thì nắm bên dưới. Đối với quận trưởng, tỉnh trưởng, tìm cách liên lạc, thu phục họ ủng hộ ta, ngã về phe ta” [16, tr.170-171].

Để thực hiện chủ trương tranh thủ, hợp tác với giáo phái Hòa Hảo đang chiến đấu với quân đội Sài Gòn ngày 02/7/1955, Xứ ủy Nam Bộ ra chỉ thị yêu cầu “các đồng chí liên tỉnh và tỉnh ủy phải cùng đồng chí binh vận có kế hoạch làm sao cho quân đội Hòa Hảo có thể kéo dài cuộc kháng chiến chống Mỹ - Diệm và đẩy mạnh công tác gây dựng cơ sở của ta về mọi mặt, đồng thời chú ý xúc tiến mạnh công tác binh vận làm cho tan rã quân đội quốc gia của Ngô Đình Diệm” [16, tr.315]. Đến giữa tháng 8 năm 1955, công tác binh vận ở Nam Bộ đạt được nhiều kết quả. “Ban Binh vận Xứ ủy Nam Bộ có 41 cán bộ, một phần làm phái viên đi tỉnh, một phần thành lập đội công tác ở Sài Gòn – Chợ Lớn. Ban binh vận tỉnh có từ 3 đến 5 cán bộ. Nơi nào cũng có cơ sở nội tuyến, có nơi tổ chức được hơn 40 cơ sở và còn nhiều triển vọng. Một tỉnh trong thời

gian ngắn liên lạc được hơn 120 nhân mỗi. Các đội binh vận Xứ ủy Nam Bộ cũng đã liên lạc hơn 100 nhân mỗi” [16, tr.324]. Đến cuối tháng 8 năm 1955, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ ra chỉ thị về một số nhiệm vụ công tác cho toàn Nam Bộ, trong đó có nhiệm vụ: “Tích cực lôi kéo các giáo phái (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên) đương chống Diệm và có kế hoạch duy trì sự hoạt động của ba nhóm này để kéo dài cuộc xung đột chống Mỹ - Diệm, miễn là họ không áp bức nhân dân và không bắt cán bộ ta nữa. Phương châm chung trong việc lôi kéo các giáo phái là nhằm vận động binh sĩ bên dưới đồng thời lôi kéo bên trên; từng địa phương, từng vùng, tùy hoàn cảnh và tùy khả năng ta nắm được các đơn vị vũ trang đến đâu mà đặt điều kiện giúp đỡ họ chống Diệm” [16, tr.336-337].

Đến năm 1956, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy, công tác binh vận ở Nam Bộ có những bước tiến triển và thu nhiều kết quả. Theo Báo cáo của Xứ ủy Nam Bộ, năm 1956, tình hình công tác binh vận những năm 1954 – 1956 đạt nhiều kết quả đáng kể: Số lượng, “từ chỗ không có cơ sở, trong hai năm qua đã phát triển hơn 7.000 cơ sở. Số cơ sở này nằm rải rác trong đủ các thứ quân chủng và binh chủng, ở trong công an cảnh sát và rải rác các cơ quan. Công tác vận động gia đình binh lính đã đem lại nhiều kết quả tốt, gần 80% cơ sở phát triển là do các địa phương biết nắm và vận dụng gia đình tuyên truyền vận động chống con em họ. Nhờ đẩy mạnh công tác vận động gia đình nên diện tuyên truyền càng được phát triển trong các loại quân. Ngoài ra đối với số tên gian ác, do biết nắm và sử dụng gia đình, có kế hoạch, phương pháp nên đã hạn chế được sức hung hăng phản động một phần nào. Tình trạng đào ngũ giải ngũ rất phổ biến, năm 1956 binh lính đào ngũ 7.469 người, có những tháng trên 1.000 lính, có những tiểu đoàn của sư 4 đào ngũ 70 người. Tình hình đấu tranh giải ngũ càng phổ biến như Tiểu đoàn danh dự binh lính làm đơn xin giải ngũ gần hết, con số giải ngũ năm 1956 đến 6.064 người; diện tranh thủ chính trị được mở rộng thêm, ngày càng cô lập địch, tạo thêm mâu thuẫn để làm suy yếu địch, binh lính đã tỏ thái độ đoàn kết với quần chúng công nông bên ngoài để chống lại chính sách độc tài phát xít gây chiến của Mỹ - Diệm; tạo thêm điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh và bảo vệ được cơ sở cách mạng” [16, tr.724-750].

Trong năm 1956, Xứ ủy Nam Bộ cũng xây dựng và hoàn chỉnh cơ bản đường lối công tác binh vận. Báo cáo của Xứ ủy Nam Bộ năm 1956 *Đường lối công tác binh vận* xác định mục đích binh vận là: “Vận động binh lính chống chiến tranh, phá tan âm mưu ý đồ gây chiến của địch, không để địch đưa vào quân đội làm công cụ gây chiến tranh đánh miền Bắc. Xây dựng thực lực trong quân đội địch, biến công cụ gây chiến trở thành phương tiện của cách mạng (công nông binh liên hiệp) để đánh đổ chính quyền địch thực hiện hòa bình thống nhất, độc lập dân tộc” [16, tr.794-795]. Đồng thời, trong *Đường lối công tác binh vận* năm 1956 cũng nêu rõ yêu cầu, sách lược đối với mỗi thứ quân, phương châm công tác binh vận, khả năng triển vọng binh vận. Theo đó, phương châm công tác binh vận là “xây dựng thực lực, bảo vệ thực lực, trường kỳ mai phục; nắm dưới là căn bản, tranh thủ nắm trên là quan trọng; phối hợp nội, ngoại tuyến chặt chẽ” [16, tr.797]. Đến năm 1956, Xứ ủy Nam Bộ khẳng định binh vận đã có những tác dụng lớn như: “Tạo thêm thuận lợi phát triển phong trào cách mạng miền Nam (thực hiện xây dựng khối công nông liên hiệp); Bảo tồn được cơ sở cách mạng, bảo tồn cán bộ, nhiều nơi đã chống được âm mưu địch bình thường hóa nông thôn, tạo được vị trí hợp pháp vững chắc cho nông dân để đấu tranh chống địch bảo vệ cách mạng” [16, tr.806].

Như vậy, kể từ sau tháng 7 năm 1954, đối lập với những hoạt động vi phạm, phá hoại tiến trình thi hành Hiệp định Geneva năm 1954, sự khủng bố, đàn áp ngày một gia tăng về quy mô và cường độ của chính quyền Ngô Đình Diệm là quá trình Trung ương Cục và sau đó là Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo nhân dân tiến hành các hoạt động đấu tranh chính trị kết hợp đẩy mạnh công tác binh vận. Căn cứ vào các chủ trương, đường lối đấu tranh chung của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ đã thể hiện sự năng động, chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh chính trị và binh vận ở địa phương. Xứ ủy Nam Bộ đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xúc tiến các hoạt động đấu tranh chính trị rầm rộ, sôi nổi trong toàn vùng kết hợp đẩy mạnh công tác binh vận với việc vận động, tranh thủ, lôi kéo được một bộ phận không nhỏ các lực lượng vũ trang giáo phái ly khai Cao Đài, Hòa Hảo và lực lượng Bình Xuyên cùng chia mũi nhọn đấu tranh chống chính quyền

Sài Gòn, đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành Hiệp định Geneva năm 1954. Công tác binh vận trong các lực lượng, tổ chức, cơ quan của chính quyền Việt Nam Cộng hòa cũng đạt nhiều kết quả và tình trạng đảo ngũ, giải ngũ trở thành phổ biến trong lực lượng quân đội đối phương. Quá trình Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo đấu tranh trong những năm 1954 - 1956 không chỉ khẳng định tính chính nghĩa của các phong trào đấu tranh, khát vọng hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng mà còn góp phần quan trọng vạch trần rõ bản chất xâm lược, hiếu chiến của đế quốc và chính quyền Sài Gòn tay sai, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, đồng thời qua đó cũng chứng tỏ được vai trò và đóng góp quan trọng của Xứ ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh. Và chính nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh cách mạng đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Xứ ủy Nam Bộ mà các tổ chức, phong trào cách mạng ở Nam Bộ có điều kiện phát triển và phần nào bớt tổn thất khi chính quyền và quân đội Sài Gòn có những hoạt động khủng bố, đánh phá ác liệt. Có thể thấy, quá trình Xứ ủy lãnh đạo đấu tranh chính trị và công tác binh vận trong những năm này đã tạo tiền đề thuận lợi cho các giai đoạn đấu tranh cách mạng tiếp sau. Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo đấu tranh chính trị và công tác binh vận những năm 1954 - 1956 có những hạn chế nhất định như chưa giáo dục được đông đảo quần chúng tin tưởng vào sức mạnh của chính mình; chưa giữ thế chủ động đấu tranh cho quần chúng ở một số địa phương; có lúc quá chú trọng đấu tranh chính trị coi nhẹ đấu tranh đòi dân chủ, cải thiện dân sinh; vài địa phương lãnh đạo đấu tranh chưa quyết liệt để đòi và bảo vệ quyền lợi thiết thực cho quần chúng nhân dân khi nhân dân bị nạn đói kém, đuổi nhà, cướp ruộng; khi chính quyền Ngô Đình Diệm đẩy mạnh hoạt động khủng bố, đánh phá tiêu diệt các tổ chức, lực lượng cách mạng, Xứ ủy Nam Bộ có lúc còn bị động, chưa vận dụng sáng tạo hết các hình thức, phương cách đấu tranh đáp ứng yêu cầu cấp bách của cách mạng cũng như chưa dám chịu trách nhiệm với cấp trên với tư cách cơ quan lãnh đạo cao nhất trực tiếp ở địa phương để đấu tranh bảo tồn lực lượng khi kẻ thù trở mặt, khủng bố, đàn áp khốc liệt phong trào, lực lượng cách mạng; trong công tác binh vận có lúc chú trọng vận động bên trên xem nhẹ bên dưới, chủ quan, mất cảnh giác, nóng vội, sớm bộc lộ lực lượng nên bị tổn thất không nhỏ, cơ sở nội tuyến bị phá vỡ nhiều... Tuy có những hạn chế nhưng quá trình Xứ ủy lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở Nam Bộ những năm này cũng để lại nhiều bài học lịch sử. Đó là các bài học về sự chủ động xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng và đoàn kết các giai cấp, tầng lớp để hiện thực hóa các chủ trương, đường lối cách mạng; về sự sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng, đề ra các chủ trương, đường lối cách mạng đúng đắn, kịp thời và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Người lãnh đạo cần có sự nhạy cảm chính trị, đồng lòng quyết tâm, nỗ lực cao trong lãnh đạo, chỉ đạo các phong trào, uyển chuyển vận dụng các đối sách phù hợp khi tình thế cách mạng chuyển biến thay đổi nhanh chóng, không chủ quan, nóng vội cũng như không mất cảnh giác, bị động, chờ thời. Người lãnh đạo phải luôn luôn phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo các công tác và không ngừng quan tâm, chăm lo đời sống của dân, kiên quyết, kiên trì và nỗ lực triển khai thực hiện các công tác vì quyền lợi, lợi ích của nhân dân.

4. Kết luận

Trong những năm 1954 – 1956, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, hoạt động đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở Nam Bộ đạt nhiều thắng lợi. Chính sự chủ động, sáng tạo, sớm tiến hành tập hợp, củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng chính trị bằng nhiều hình thức, phương cách sáng tạo một mặt đã góp phần quan trọng vạch trần bản chất độc tài, phát xít, tàn bạo, âm mưu chia cắt đất nước của chính quyền Ngô Đình Diệm, mặt khác còn giúp cho các tổ chức, phong trào và lực lượng cách mạng địa phương bớt tổn thất, phần nào đã giữ gìn, bảo tồn được lực lượng khi chính quyền Sài Gòn trắng trợn khủng bố, đàn áp và đánh phá ác liệt các tổ chức, phong trào cách mạng ở Nam Bộ. Các phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi, mạnh mẽ trong thời gian này ở Nam Bộ nổi bật lên vai trò, đóng góp quan trọng của Xứ ủy Nam Bộ, cơ quan trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân Nam Bộ đấu tranh quyết liệt với chính

quyền và quân đội Sài Gòn. Bên cạnh quá trình lãnh đạo đấu tranh chính trị, Xứ ủy còn lãnh đạo tiến hành công tác binh vận từ rất sớm ở Nam Bộ và thu nhiều kết quả. Mặc dù có những hạn chế nhất định nhưng có thể khẳng định, các hoạt động đấu tranh chính trị kết hợp với binh vận thời kỳ này ở Nam Bộ đã góp phần quan trọng tạo tiền đề tích cực cho sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. Asselin, "The 1954 Geneva Agreement on Vietnam and the 1973 Paris Agreement on diplomacy and achievements of the Vietnamese revolution," *Journal of Historical Studies*, no. 1, pp. 47-58, 2008.
- [2] T. M. T. Tran, "Geneva Agreement on Indochina: Lessons learned," July 18, 2014. [Online]. Available: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/2018/28210/hiep-dinh-gio-ne-vo-ve-dong-duong--nhung-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>. [Accessed June 05, 2024].
- [3] T. P. Nguyen, "The struggle to implement the 1954 Geneva Agreement on restoring peace in Vietnam," September 04, 2014. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/truyen-thong-hien-tai-/2018/28977/cuoc-dau-tranh-thi-hanh-hiep-dinh-gio-ne-vo-nam-1954-ve-lap-lai-hoa-binh-o-viet-nam.aspx>. [Accessed June 05, 2024].
- [4] T. L. P. Nguyen and T. T. Hoang, "Political struggle movement in South Vietnam in the years 1954-1958," May 11, 2017. [Online]. Available: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nhan-vat-su-kien/item/1993-phong-trao-dau-tranh-chinh-tri-o-mien-nam-nhung-nam-1954-1958.html>. [Accessed June 6, 2024].
- [5] N. T. Tran, "Diplomacy of the Republic of Vietnam under Ngo Dinh Diem's regime (1955-1963)," *Science & Technology Development*, vol. 18, no. X4, pp. 19-29, 2015.
- [6] V. T. P. Nguyen, "United States involvement in Vietnam from 1950 to 1959," *Science & Technology Development*, vol. 19, no. X4, pp. 74-81, 2016.
- [7] J. Slater, "The Domino Theory and International Politics: The Case of Vietnam," *Security Studies*, vol. 3, no. 2, pp. 186-224, 1993.
- [8] W. Henderson and W. R. Fishel, "The Foreign Policy of Ngo Dinh Diem," *Vietnam Perspectives*, vol. 2, no. 1, pp. 3-30, Aug. 1966.
- [9] J. M. Chapman, "Staging Democracy: South Vietnam's 1955 Referendum to Depose Bao Dai," *Diplomatic History*, vol. 30, no. 4, pp. 671-703, 2006.
- [10] V. D. Luu, "The Central Office for South Vietnam with the mission of regrouping to the North in the South (1954-1955)," *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, vol. 15, no. 8, pp. 124-134, 2018.
- [11] V. T. Thai, "Political struggles of Southern Vietnam women (1954-1960)," *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, vol. 15, no. 5, pp. 121-132, 2018.
- [12] Communist Party of Vietnam, *Complete Party Documents*, vol. 15. National Political Publishing House, Hanoi, 2001.
- [13] C. M. Ho, *Complete Works*, vol. 9. National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [14] Steering Council for compiling the History of Southern Vietnam resistance, *History of Southern Vietnam Resistance*, vol. 2. National Political Publishing House, Hanoi, 2012.
- [15] V. G. Tran, *Tran Van Giau's Collection*. People's Army Publishing House, Hanoi, 2006.
- [16] Office of the Party Central Committee, *Documents of the Central Office for South Vietnam in the period 1946-1975*, vol. 6. National Political Publishing House, Hanoi, 2020.